|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Bài*** | ***Nội dung soạn*** | ***Giáo viên soạn*** | ***Địa chỉ*** |
| **BÀI 8**  **VĂN BẢN NGHỊ LUẬN**  **(NGHỊ LUẬN XÃ HỘI)** | **-Đọc hiểu văn bản:**  ***+ Văn bản 1:*** *Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật?* | ***Cô Phan Thị Thùy Dung*** | *THCS Bình An, Dĩ An, Bình Dương* |
| ***+ Văn bản 2:***  *Khan hiếm nước ngọt.* | ***Cô Nguyễn Thị Huệ*** | *Trường THCS Vĩnh Châu B, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.* |
| **-Thực hành tiếng Việt:** *Từ Hán Việt, văn bản và đoạn văn* | ***Cô Phan Thị Thùy Dung(W)***  ***Cô Nguyễn Thị Huệ(PP)*** | *THCS Bình An, Dĩ An, Bình Dương*  *Trường THCS Vĩnh Châu B, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.* |
| -**Thực hành đọc hiểu**:  ***+ Văn bản 3:*** *Tại sao nên có vật nuôi trong nhà?* | ***Cô Hoàng Thị Nhinh***  ***Cô Nguyễn Thị Sáu*** | *Trường PTDTBT THCS Đứa Mòn, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.*  *THCS Nghĩa Phương, Lục Nam, Bắc Giang* |
| **-Viết**: Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống. | ***Cô Đỗ Như Phượng*** | *Trường Phan Sào Nam- Nha Trang- Khánh Hòa* |
| **-Nói và nghe:**Trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống. | ***Cô Hoàng Thị Nhinh(W)***  ***Cô Đỗ Như Phượng(PP)*** | *Trường PTDTBT THCS Đứa Mòn, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.*  *Trường Phan Sào Nam- Nha Trang- Khánh Hòa* |

*Ngày soạn: ……………… Người soạn: Phan Thị Thùy Dung*

*Ngày dạy:…………….*

**Bài 8**

**VĂN BẢN NGHỊ LUẬN**

**(NGHỊ LUẬN XÃ HỘI)**

(12 tiết)



**I. MỤC TIÊU** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

***1. Về kiến thức:***

- Tri thức ngữ văn (khái niệm nghị luận xã hội trình bày một ý kiến, lí lẽ, dẫn chứng).

- Thực hành tiết kiệm nước, chăm sóc và bảo vệ động vật, cây xanh.

- Từ Hán Việt, văn bản, đoạn văn.

***2. Về năng lực:***

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức ( ý kiến, lí lẽ, bằng chứng, …) nội dung (đề tài, vấn đề, tư tưởng, ý nghĩa,…) của các văn bản nghị luận xã hội.

- Biết tiết kiệm nước, chăm sóc và bảo vệ động vật, cây xanh,

- Vận dụng được những hiểu biết về văn bản, đoạn văn và một số từ Hán Việt thông dụng vào đọc, viết, nói và nghe

- Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống

- Trình bày được ý kiến về một hiện tượng trong đời sống

***3. Về phẩm chất:***

- Biết chăm sóc, yêu quý đối xử thân thiện với động vật.

- Có ý thức tiết kiệm bảo vệ nguồn nước sạch.

- Có ý thức giữ gìn tiếng Việt, học hỏi, trân trọng từ Hán Việt

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

|  |
| --- |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.  **b) Nội dung**:  GV yêu cầu HS quan sát video, trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện:**  ***B1: Giao nhiệm vụ học tập:***  **-** HS quan sát, lắng nghe video bài hát “ Colour of the wind” suy nghĩ cá nhân và trả lời.  ? Nội dung của video đề cập đến vấn đề gì? B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:- HS quan sát và lắng nghe video, suy nghĩ câu trả lờiB3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:Học sinh trình bày trước lớp ý kiến của mình. Các học sinh khác bổ sung, nhận xét.B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - Nội dung của video: Cần bảo vệ động vật, phê phán hành động săn bắt, phá hoại động vật  Nhận xét câu trả lời của học sinh, chuyển dẫn vào hoạt động |

**ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**Văn bản**

**VÌ SAO CHÚNG TA PHẢI ĐỐI XỬ THÂN THIỆN VỚI ĐỘNG VẬT**



**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

- Khái niệm văn nghị luận xã hội (trình bày một ý kiến)

- Ý kiến nghị luận, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản

- Nhan đề, nội dung, đề tài của bài viết

- Tóm tắt được văn bản nghị luận để nắm được ý chính của văn bản

***2. Về năng lực:***

- Nhận biết được nhan đề đề cập đến nội dung, đề bài

- Nhận biết được ý chính của mỗi đoạn trong văn bản.

- Nhận biết được ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản

- Trình bày được mối quan hệ giữa ý kiến lí lẽ, bằng chứng dưới dạng sơ đồ

- Nhận ra được ý nghĩa vấn đề đặt ra trong văn bản đối đời xống xã hội và đối với bản thân

***3. Về phẩm chất:***

- Yêu quý động vật, sống hòa hợp với thiên nhiên.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề**

1. **Mục tiêu**: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.
2. **Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời.
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
4. **Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

Chiếu cho học sinh quan sát bức tranh trong SGK. Bức tranh gợi cho em suy nghĩ gì?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**B3: Báo cáo, thảo luận:** Một HS trả lời câu hỏi của GV

- Dự kiến sản phẩm: Con người và thiên nhiên phải sống hòa hợp với nhau

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG** | | |
| **1. Văn nghị luận xã hội (trình bày một ý kiến)** | | |
| **a. Mục tiêu**: Giúp HS nêu được khái niệm văn nghị luận xã hội trình bày một ý kiến, vai trò của lí lẽ, bằng chứng.  **b. Nội dung**:  - GV nêu ý kiến, tổ chức hoạt động nhóm cho HS.  - HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần)  - Hs đọc thông tin SGK, thảo luận nhóm, điền vào phiếu học tập.  - GV hướng dẫn HS đọc SGK, nêu ý kiến, giải thích  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh, phiếu học tập  **d. Tổ chức thực hiện** | | |
| **Hoạt động của GV &HS** | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Đưa ra vấn đề, ý kiến bằng sơ đồ để giải thích cho học sinh  **Lí lẽ 1**  Giúp bổ trợ kiến thức cho các môn học trong nhà trường  **Lí lẽ 2:**  Kết nối chia sẻ đam mê đọc sách và lan tỏa văn hóa đọc  **Lí lẽ 3:**  Giúp rèn luyện phát triển kĩ năng sống cần thiết  ***Bằng chứng****:*  *Các hoạt động thảo luận giới thiệu sách liên quan đến bài học sẽ cũng cố, nâng cao kiến thức cho các bạn*  ***Bằng chứng***  *Các hoạt động thi cảm nhận sách, thiết kế bìa sách… sẽ khơi gợi lan tỏa tình yêu sách*  ***Bằng chứng***  *Qua các hoạt động các thành viên hình thành kĩ năng, giao tiếp, tổ chức sự kiện, ứng dụng công nghệ thông tin*  **Ý KIẾN**  **Cần thành lập câu lạc bộ đọc sách cho học sinh**  ? Qua việc tìm hiểu ý kiến trên, em hiểu thế nào là văn nghị luận xã hội (trình bày một ý kiến)  ? Vai trò của các yếu tố lí lẽ, bằng chứng trong văn nghị luận xã hội?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: - HS đọc kiến thức Ngữ văn ở phần đầu, quan sát, lắng nghe ý kiến, suy nghĩ cá nhân về yêu cầu của GV  **GV**: Hướng dẫn học sinh đọc sách, giải thích về ý kiến đưa ra.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:** - Yêu cầu HS trả lời  **HS** - Học sinh trả lời câu hỏi  - Các bạn khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau. | - **Nghị luận xã hội** (trình bày một ý kiến) Nêu lên một vấn đề mình quan tâm trong đời sống, sử dụng các lí lẽ bằng chứng cụ thể để củng cố cho ý kiến của mình nhằm thuyết phục người đọc, người nghe tán thành ý kiến, vấn đề đó  - Lí lẽ: là cơ sở cho ý kiến, quan điểm của người viết, người nói.  - Bằng chứng: là những minh chứng làm rõ lí lẽ.  => Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. | |
|  | | |
| **2. Tác phẩm** | | |
| **a. Mục tiêu**: Giúp HS biết được những nét chung của văn bản (Thể loại, nhan đề, bố cục…)  **b. Nội dung**:  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, HS thảo luận nhóm.  - HS suy nghĩ cá nhân để trả lời, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ  **c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện** | | |
| **Hoạt động của GV &HS** | | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Đọc mẫu, hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc.  - Cho học sinh thảo luận cặp đôi  - Chiếu yêu cầu lên màn hình máy tính, giao nhiệm vụ:  ? Nối cột A với cột B   |  |  | | --- | --- | | **A** | **B** | | 1. Tổ tiên | a) Đấng tạo ra muôn vật với mọi sự biến hoá, đổi thay, theo quan niệm duy tâm | | 2. Trực tiếp | b) Là một hiện tượng xảy ra trong tự nhiên khi một loài hoặc một quần thể biến mất hoàn toàn trên trái đất. | | 3. Tạo hóa | c) Quan hệ giữa sinh vật với môi trường | | 4. tuyệt chủng | d) Có quan hệ thẳng với đối tượng tiếp xúc, không qua khâu trung gian gián tiếp: không có quan hệ thẳng với đối tượng tiếp xúc mà phải qua khâu trung gian | | 5. Sinh thái | e) Những người thuộc thế hệ đầu tiên của một dòng họ. |   ?Văn bản “Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật thuộc thể loại gì?  ?Dựa vào nhan đề em hãy cho biết nội dung, đề tài của bài viết?  ? Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: - Đọc văn bản, suy nghĩ câu trả lời theo yêu cầu của GV  **GV**: - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: - Đại diện nhóm trả lời câu hỏi theo yêu cầu của GV  Theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn.  **GV***:* - Nhận xét cách đọc của HS, nhận xét câu trả lời của học sinh  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Dự kiến sp câu nối: 1- e; 2-d; 3-a; 4-b; 5-c  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. | | *a) Đọc và tìm hiểu chú thích*  - HS đọc đúng.  *b) Thể loại*  - Văn nghị luận xã hội (trình bày một ý kiến)  *c) Nội dung, đề tài*  - Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật.  *d) Bố cục*  - 4 phần  + Phần 1: Đoạn 1,2  -> Động vật gắn bó với con người, gắn bó với kí ức tuổi thơ.  +Phần 2: Đoạn 3  => Vai trò của động vật trong hệ sinh thái  + Phần 3: Đoạn 4 Thực trạng hiện nay  + Phần 4: Còn lại => Lời kêu gọi bảo vệ động vật. |

|  |  |
| --- | --- |
| **II. TÌM HIỂU VĂN BẢN** | |
| 1. **Vấn đề nghị luận** | |
| **a. Mục tiêu**: Giúp HS  - Tìm ra được ý kiến, vấn đề nghị luận trong bài  **b. Nội dung**:  - Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện** | |
| **Hoạt động của GV &HS** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi  ? Ở văn bản này người viết định bảo vệ hay phản đối điều gì?  ? Con người cần có thái độ như thế nào với động vật?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** quan sát SGK  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** trả lời câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. | **- Vấn đề nghị luận**: Cần đối xử thân thiện, yêu quý và bảo vệ động vật |
| 1. **Phân tích vấn đề nghị luận** | |
| **a. Mục tiêu**: Giúp HS  - Biết cách dẫn dắt vấn đề vào bài  - Nhận biết được các lí lẽ, bằng chứng trong văn bản  - Hiểu mối quan hệ giữa động vật và con người gắn liền với nhau  - Có ý thức thái độ yêu quý, trân trọng và đối xử thân thiện với động vật.  **b. Nội dung**:  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm cho HS.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần)  **c. Sản phẩm:** Phiếu học tập của HS  **d. Tổ chức thực hiện** | |
| **Hoạt động của GV &HS** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Phát phiếu học tập số 1  ? Xác định ý chính của đoạn 1, 2  ? Để làm rõ ý chính đó tác giả đã đưa ra bằng chứng nào?  ? Biện pháp nghệ thuật được tác giả sử dụng ở phần 1? Tác dụng?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: - 2 phút làm việc cá nhân  - 3 phút thảo luận cặp đôi và hoàn thành phiếu học tập.  **GV**: Dự kiến KK: câu hỏi số 3  - Tháo gỡ KK ở câu hỏi (2) bằng cách đặt câu hỏi phụ (?).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:** - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS** - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm.  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau. | ***a) Động vật nuôi dưỡng tâm hồn trẻ thơ, gắn liền với cuộc sống con người***  - Bằng chứng: Đứng nhìn lũ kiến hành quân, buộc chỉ vào chân cánh cam làm diều.  - Bằng chứng: Gà gáy báo thức, chim hót trên cây, lũ trâu cày ruộng…  NT: Sử dụng phép liệt kê  ***=> Khẳng định về vai trò không thể thiếu của động vật đối với đời sống con người.*** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **-** Phát phiếu học tập số 2 & đặt câu hỏi:  - Chia nhóm cho HS thảo luận  ? ý chính của đoạn 3 là gì?  ? Câu nào trong phần 3 cho thấy con người liên quan đến động vật?  ? Môi trường sinh tồn là gì?  ? Con người, động vật và môi trường có mối quan hệ như thế nào?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS tìm chi tiết trong văn bản.  **HS**: - Đọc SGK và tìm chi tiết để hoàn thiện phiếu học tập.  - Thảo luận nhóm  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:** Yêu cầu đại diện nhóm trả lời và hướng dẫn (nếu cần).  **HS** : - Trả lời câu hỏi của GV.  - Theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định:**  **GV: -** Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau  - Dự kiến câu 3: Môi trường sinh tồn là hệ sinh thái bao gồm các sinh vật, yếu tố vật lí, con người cùng nhau sinh sống và tồn tại. | **b) Vai trò của động vật trong hệ sinh thái**  **-** Bằng chứng: khỉ và vượn có chung tổ tiên với con người.  - Bằng chứng: Mỗi loài động vật có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đối với con người.  ***=> Con người, động vật, và môi trường có mối quan hệ chặt chẽ với nhau****.* |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Phát phiếu học tập số 3  - Sử dụng KT khăn trải bàn, chia nhóm cho hs thảo luận  ? Tác giả đã nêu lên thực trạng đáng báo động nào?  ? Để nêu lên thực trạng đó tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?  ? Tác giả có thái độ như thế nào trước thực trạng đó?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:** - Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV:** Hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**: - Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá.  - Hướng dẫn HS trình bày ( nếu cần).  **HS**: - Đại diện lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình.  - Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  -Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau | **c) Thực trạng**  **-** Bằng chứng  **+** Con người phá hoại môi trường sống của động vật  + Săn bắt động vật trái phép  + Các loại động vật đang ngày càng giảm đi  **-** NT: đối lập  **=>** Thể hiện thái độ bất bình của tác giả. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Ý chính của đoạn 5 là gì? Tìm câu văn thể hiện ý chính đó?  ? Em cần có thái độ như thế nào với động vật? Kể một số biện pháp em có thể làm để bảo vệ động vật?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:** Làm việc cá nhân 2’ (đọc SGK, tìm chi tiết)  - Làm việc nhóm 3’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV:** Hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**: - Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá.  - Hướng dẫn HS trình bày ( nếu cần).  **HS**: - Đại diện lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình.  - Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  **- Dự kiến sp câu 3**  Biện pháp bảo vệ động vật.  - Tham gia bảo vệ, chăm sóc và trồng cây xanh ở trường, địa phương  - Tạo môi trường sống cho động vật (tham gia trồng cây, gây rừng, không xã rác bữa bãi)  - Tuân thủ và tuyên truyền các biện phát bảo vệ, yêu quý động vật cho bạn bè, người thân, hàng xóm…  -Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau | **e) Lời kêu gọi bảo vệ động vật**  **-** Chúng ta phải thay đổi, phải bảo vệ ngôi nhà chung của Trái Đất, để động vật cũng có quyền được sống giống như con người.  ***=> Nhấn mạnh sự cấp thiết phải bảo vệ động vật*** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Phát phiếu học tập số 4  ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?  ? Nội dung chính của văn bản “ Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật”?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: Suy nghĩ cá nhân 2’, trao đổi cặp đôi 3’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).  **GV** hướng theo dõi, quan sát, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV**: - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Chuyển dẫn sang đề mục sau. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Lí lẽ bằng chứng chặt chẽ, giàu sức thuyết phục.  - Bố cục mạnh lạc, sử dụng phép liệt kê, đối lập làm sáng tỏ vấn đề nghị luận.  **2. Nội dung**  **-** Cần phải đối xử thân thiện với động vật, yêu quý và bảo vệ động vật như bảo vệ ngôi nhà chung của trái đất.  - Động vật cũng có quyền được sống giống như con người. |
| **3. HĐ 3: Luyện tập**  ***a) Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể  ***b) Nội dung:*** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao  ***c) Sản phẩm:*** Đáp án đúng của bài tập  ***d) Tổ chức thực hiện*** | |
| **Hoạt động của GV &HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**:  Giáo viên giao bài tập cho HS  Bài tập 1: Văn bản trên giúp em hiểu biết thêm gì về động vật? Tìm các lí lẽ, và bằng chứng khác để làm sáng tỏ sự cần thiết phải thân thiện với động vật.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS: Tìm thêm một số lí lẽ về vai trò của động vật đối với đời sống con người  **HS** : Liệt kê các vai trò vai trò của động vật đối với đời sống con người  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.  - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số. | **Bài tập 1**   * Văn bản trên giúp em hiểu động vật và con người có mối quan hệ chặt chẽ, gắn liền với nhau. * Một số lí lẽ khác: Động vật có vai trò to lớn trong đời sống con người:   + Cung cấp thực phẩm (thịt, cá, trứng, tôm….)  + Giúp con người lao động  + Giúp con người giải trí  + Bảo vệ an ninh…. |
| **4. HĐ 4: Củng cố, mở rộng**  **a) Mục tiêu:** Cũng cố kiến thức, làm rõ mối quan hệ của ý kiến, lí lẽ, bằng chứng bằng sơ đồ. Biết ứng dụng sơ đồ trong việc tóm tắt nội dung bài học.  **b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.  **c) Sản phẩm:** Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)  ? Hãy hệ thống lại nội dung bài học bằng sơ đồ để thấy được mối quan hệ giữa ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn nghị luận (trình bày một ý kiến)  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS xác định nhiệm vụ.  **HS** đọc, xác định yêu cầu của bài tập, suy nghĩ và hệ thống lại kiến thức bài học  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS:** báo cáo kết quả học tập, tự đánh giá  **GV**: Nhận xét sản phẩm của hs, hướng dẫn học sinh tự đánh giá.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có)).  - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho |  |

**HỒ SƠ DẠY HỌC**

**PHIẾU HỌC TẬP SỬ DỤNG TRONG BÀI**

**+ Phiếu số 1**

**Ý chính đoạn 1, 2**

|  |
| --- |
| **Phiếu học tập số 2**   * **Ý chính đoạn** 3 …………………………………………………………………… * Bằng chứng 1 …………………………………………………………………..   …………………………………………………………………………………….   * Bằng chứng 1 …………………………………………………………………..   ………………………………………………………………………………   * Môi trường sinh tồn: ………………………………………………   ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………. |

|  |
| --- |
| **Phiếu học tập số 3**  ? Tác giả đã nêu lên thực trạng đáng báo động nào  ? Để nêu lên thực trạng đó tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?  ? Tác giả có thái độ như thế nào trước thực trạng đó?  **Thực trạng**   * Nghệ thuật……………………………………………………………… * Thái độ…………………………………………………………………. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Một số kí hiệu trong KHBD**  **?** Câu hỏi của giáo viên  **GV**: hoạt động của giáo viên  **HS**: hoạt động của học sinh | Người soạn: Nguyễn Thị Huệ  Đơn vị: Trường THCS Vĩnh Châu B, huyện Tân Hưng, tỉnh Long A. |

*Tuần 25,26,27 Ngày soạn: ……………… Tiết 97-108 Ngày dạy:………*……........

**Bài 8**

**ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**KHAN HIẾM NƯỚC NGỌT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **C:\Users\Admin\Desktop\images (1).jpg** | **C:\Users\Admin\Desktop\tải xuống.jpg** | **C:\Users\Admin\Desktop\images.jpg** |

**I. MỤC TIÊU** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

**1. Về kiến thức**

- Tri thức ngữ văn (khái niệm nghị luận xã hội trình bày một ý kiến, lí lẽ, dẫn chứng).

- Thực hành tiết kiệm nước

- Xác định được Từ Hán Việt, văn bản, đoạn văn.

**2. Về năng lực**

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức ( ý kiến, lí lẽ, bằng chứng, …) nội dung (đề tài, vấn đề, tư tưởng, ý nghĩa,…) của các văn bản nghị luận xã hội.

- Biết tiết kiệm nước trong cuộc sống hàng ngày

- Vận dụng được những hiểu biết về văn bản, đoạn văn và một số từ Hán Việt thông dụng vào đọc, viết, nói và nghe

- Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống

- Trình bày được ý kiến về một hiện tượng trong đời sống

**3. Về phẩm chất**

- *Nhân ái:* HS biết tôn trọng, yêu thương mọi người xung quanh, trân trọng và bảo vệ môi trường sống. Biết cảm thông, ca ngợi những hành động đẹp; lên án những hạnh động xấu.

- *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân. Vượt lên trên hoàn cảnh, nhiệt tình tham giác công việc của tập thể về tuyền truyền, vận động mọi người xung quanh cùng nhau tiết kiệm nước.

-*Trách nhiệm:* hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước về vấn đề tiết kiềm nước. Biết không đổ lỗi cho người khác.

- *Trung thực*:Luôn tôn trọng lẽ phải về những vấn đề về nước; thật thà, ngay thẳng trong vấn đề lên án thực trạng khan hiếm nguồn nước ngọt.

- *Yêu nước*: HS luôn tự hào và bảo vệ thiên nhiên, con người Việt Nam khi chung tay bảo vệ nguồn nước ngọt. Tự hào về vốn từ phong phú Hán Việt của nước mình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Bảng tương tác, máy tính, Giấy A1hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập.

**2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

|  |
| --- |
| **a) Mục tiêu**: HS huy động vốn hiểu biết cuộc mình để nói lên thực trạng khan hiếm nước ngọt trên thế giới  **b) Phương thức thực hiện:** Hoạt động cá nhân  **c)Yêu cầu sản phẩm**: HS trình bày cá nhân bằng miệng  **d) Tổ chức thực hiện**  ***Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ***  **-**GV: Chiếu hình ảnh  - HS : quan sát hình ảnh các bức tranh, qua đó em có suy nghĩ như thế nào về vấn đề nước ngọt hiện nay?    ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời theo quan điểm cá nhân.  ***Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận***  - Học sinh lần lượt trình bày các câu trả lời.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  ***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  -GV: Nếu như ngày 5/6 hàng năm là ngày môi trường thế giới thì ngày 22/3 hàng năm chính là ngày nước thế giới. Đến năm 2021, ngày nước thế giới đã lấy chủ đề “ giá trị của nước”nhấn mạnh ý nghĩa và tầm quan trọng của tài nguyên nước; giá trị của nước về mặt kinh tế, văn hóa và xã hội; giải pháp hiệu quả để bảo vệ nguồn nước trước các áp lực do gia tăng dân số, phát triển công nghiệp, nông nghiệp và biến đổi khí hậu. Và điều đó được thể hiện như thế nào thì chúng ta cùng nhau đi vào tác phẩm ngày hôm nay. |

**Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **a)Mục tiêu**  + Học sinh biết phân loại nguồn nước: nước, nước mặn, nước ngọt, nước sạch.  + HS nêu ra được tác dụng của nước ngọt  + HS chỉ ra những nguyên nhân gây ra ô nhiễm môi trường nước.  + HS có những giải pháp và liên hệ bản thân.  **b)Phương thức thực hiện**: pp giải quyết vấn đề, pp dạy học nhóm  **c) Yêu cầu sản phẩm:** Trình bày cá nhân, nhóm, phiếu học tập...  **d) Tổ chức thực hiện:** thời gian 30p | |
| Hoạt động của giáo viên – học sinh | 1. **Tìm hiểu chung** |
| **Hoạt động : Tìm hiểu chung**   1. **Mục tiêu:** HS xác định được thông tin văn bản, thể loại văn bản. 2. **Phương thức thực hiện:** Kĩ thuật khăn trải bàn 3. **Yêu cầu sản phẩm:** HS trình bày qua sản phẩm nhóm, thực hiện được nhiệm vụ vào vở ghi của mình. 4. **Tổ chức thực hiện**   ***Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ***   * Gv: Theo thông tin văn bản em hãy nêu tên tác giả ; nguồn gốc và bố cục của tác phẩm   ***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ***   * HS: triển khai nhiệm vụ, thực hiện cá nhân vào vở ghi. * Nhiệm vụ:   + HS xác định thông tin và bố cục của văn bản.  + Phương pháp: giải quyết vấn đề, hợp tác, xử lí vấn đề  + Thời gian: 3p  +HS làm việc cá nhân  + HS thống nhất kết quả đưa ra ý kiến chung.  ***Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận***  + Đại diện 1-2 nhóm trình bày kết quả; nhóm khác nhận xét, tương tác nhóm bạn.  ***Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.***  **+** GV nhận xét, tuyên dương  +GV định hướng kiến thức, HS tự xác định thông tin ghi vào vở.  ***\* Phương pháp đóng vai***  -Mục tiêu: HS giải thích những từ khó trong văn bản.  -Phương pháp: PP đóng vai  -Thời gian: 1p  -Các bước thực hiện:  +HS: 2 HS, 1 HS là Cù Trọng Xoay, 1HS là người trả lời  + HS sẽ hỏi nhanh, đáp lẹ 4 từ khóa mà người hỏi đưa ra.  + HS củng cố kiến thức cho bản thân qua pp đóng vai. | 1. Tác giả: theo Trịnh Văn 2. Tác phẩm   \*Xuất Xứ: Báo nhân dân, số ra 15/06/2003  \*Thể loại: Văn nghị luận.  \* Bố cục:  -Phần 1: nội dung 1: Nêu thực trạng khan hiếm nước ngọt.  - Phần 2: nội dung 2: Nguyên nhân- hậu quả của việc khan hiếm nước ngọt.  Phầm 3: nội dung 3: Nếu quan điểm và giải pháp của việc khan hiếm nước ngọt.  \* Giải thích từ khó  -Nước: là một phân tử gọi là H2O chứa hai nguyên tử hydro và một nguyên tử ôxy. Đó là một chất lỏng trong suốt, không mùi mà bạn có thể tìm thấy trong hồ, sông ngòi và đại dương.  -Nước mặn:  **+** là thuật ngữ chung để chỉ nước chứa một hàm lượng đáng kể các muối hòa tan (chủ yếu là NaCl). Hàm lượng này thông thường được biểu diễn dưới dạng phần nghìn (ppt) hay phần triệu (ppm) hoặc phần trăm (%) hay g/l.  **+** Là nước bị nhiễm mặn và không sử dụng được trong sinh hoạt.  -Nước ngọt: hay  được gọi là nước nhạt là loại nước chứa một lượng tối thiểu các muối hòa tan, đặc biệt là natri clorua (thường có nồng độ các loại muối hay còn gọi là độ mặn trong khoảng 0,01 - 0,5 ppt hoặc tới 1 ppt), vì thế nó được phân biệt tương đối rõ ràng với nước lợ hay các loại nước mặn và nước muối.  -Nước sạch: là nguồn **nước**: trong, không màu, không mùi, không vị, không chứa các độc chất và vi khuẩn gây bệnh cho con người. **Nước sạch** phải bảo đảm 14 chỉ tiêu, trong đó các tiêu chí về: Nitrat, clorua, asen, sắt, chì, mangan, thủy ngân,... theo quy chuẩn của Bộ Y tế. |
| **Hoạt động: Đọc- hiểu văn bản** | 1. **Đọc- hiểu văn bản** |
| **HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM: TỔ CHỨC HỌC DỰA TRÊN DỰ ÁN PHÓNG VIÊN NHỎ ĐIỀU TRA “ KHAN HIẾM NƯỚC NGỌT**”   1. ***Môn phối hợp***:Hóa học, Địa lí, Giáo dục công dân 2. ***Nội dung kiến thức***   HS nêu ra được tác dụng của nước ngọt  + HS chỉ ra những nguyên nhân gây ra ô nhiễm môi trường nước.  + HS có những giải pháp và liên hệ bản thân.   1. ***Yêu cầu cần đạt***  * Từ văn bản “ Khan hiếm nước ngọt”, thông tin HS thu tập được qua kênh internest, sách báo, phỏng vấn ..từ đó HS xác định được vấn đề nghiêm trọng của việc khan hiếm nước ngọt. Qua đó xác định được nguyên nhân, hậu quả của việc khan hiếm nước ngọt. * Qua kiến thức đã tìm hiểu từ văn bản, nguồn tư liệu , HS nêu ra được biện pháp giải quyết vấn đề của tác giả đồng thời qua đó liên hệ với chính bản thân mình. * HS xác định được hành động của bản thân mình trong cuộc sống hàng ngày đối với việc tiết kiệm nước, bảo vệ nguồn nước và lên án phê bình những hành vi lãng phí, gây phá hoại nguồn nước ngọt. * HS phát triển năng lực tự học, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sáng tạo, năng lực CNTT.. * Phát triển năng lực ngôn ngữ ( đọc hiểu nội dung, viết được văn bản nghị luận); năng lực văn học (kĩ năng đọc hiểu văn bản nghị luận)  1. ***Cách thức tổ chức hoạt động trải nghiệm***   -GV: chia lớp thành 4 nhóm  **+ NHóm 1: Nghiên cứu về thực trạng khan hiếm nướ ngọt.**   * *Văn bản “Khan hiếm nước ngọt đề cập đến vấn đề gì?* * *Vấn đề đó được khái quát ở phần nào?* * *Tến văn bản và vấn đề đặt ra trong văn bản có liên quan như thế nào?* * *Nước ngọt có những tác dụng gì đối với chúng ta?*   *LƯU Ý: Sử dụng tranh ảnh trình chiếu thuyết trình kèm theo clip phỏng vấn về thực trạng của vấn đề ( đảm bảo thông tin tác giả đã đưa ra và lồng ghép tư liệu nhóm đã thu tập được)*  **+ Nhóm 2: Nghiên cứu nguyên nhân dẫn đến việc khan hiếm nước ngọt**  *? Sử dụng tranh ảnh trình chiếu thuyết trình về nguyên nhân dẫn đến việc khan hiếm nước ngọt( đảm bảo thông tin tác giả đã đưa ra và lồng ghép tư liệu nhóm đã thu tập được)*  **+ Nhóm 3: Nghiên cứu tác hại của việc khan hiếm nước ngọt mang lại**  *? Sử dụng tranh ảnh trình chiếu thuyết trình kèm theo clip về tác hại của việc khan hiếm nước ngọt ( đảm bảo thông tin tác giả đã đưa ra và lồng ghép tư liệu nhóm đã thu tập được)*  **+ Nhóm 4: Xây dựng phương án phòng chống việc khan hiếm nước ngọt.**  *?Trình bày nhanh những giải pháp tác giả đề xuất bằng các hình ảnh máy chiếu và đề xuất giải pháp bổ sung theo ý tưởng của nhóm mình, đóng vai tuyên truyền (sử dụng tranh vẽ tuyên truyền)*  + GV hỗ trợ hs về CNNT khi HS gặp khó khăn   * Dự kiến hệ thống câu hỏi   ? Thực trạng của việc khan hiếm nước ngọt.  ? Nguyên nhân dẫn đến việc khan hiếm nước ngọt?  ? Từ kiến thức của văn bản “Khan hiến nước ngọt” thông tin đã thu thập em có suy nghĩ như thế nào về tác hại của việc khan hiếm nước ngọt? Qua đây, tác giả đã có giải pháp như thế nào em rút ra được bài học gì cho bản thân mình? Em cần làm gì đề đẩy lùi việc khan hiếm nước ngọt như hiện nay?   1. ***Tiêu chí đánh giá***  |  |  | | --- | --- | | Tiêu chí đánh giá | Điểm (thang điểm 100) | | 1. Thời gian trình bày (10đ) |  | | 1. Thái độ và tinh thần đoàn kết (10đ) |  | | 1. Nội dung kiến thức (20đ) |  | | 1. Kĩ năng thuyết trình (10đ) |  | | 1. Kĩ năng xử lí thông tin (10đ) |  | | 1. Kĩ năng xử lí vấn đề trong tương tác (10đ) |  | | 1. Tính khả thi trong phương pháp phòng trống (10đ) |  | | 1. Tính sáng tạo (10đ) |  | | 1. Thu thập nội dung thông tin qua các nhóm để hoàn thiện nội dung yêu cầu của bài học (10đ) |  | | Tổng điểm |  |  1. ***Kế hoạch tổ chức trải nghiệm***  * Thời gian thực hiện: 5 ngày trước khi tiết học diễn ra * Địa điểm tổ chức: trong lớp học * Thành phần tham gia: GVBM ngữ văn, sinh học, GDCD trong trường, toàn thể HS lớp được giao nhiệm vụ.  1. ***Tổ chức thực hiện (20p***)  * Bước 1. GV chuyển giao hoạt động cho lớp * Bước 2. Lớp trưởng thông qua hoạt động * Bước 3. Đại diện thành viên của các nhóm lên thuyết trình thông qua bảng tương tác. * Bước 4. Sau khi nhóm thuyết trình, các nhóm khác tương tác và đại diện nhóm đang trình bày hoặc thành viên của nhóm ở dưới giải quyết vấn đề được đặt ra đối với nhóm mình. * Bước 5. Ban cán sự lớp thu thập lại phiếu đánh, công bố kết quả. * Bước 6. GV tổ chuyên môn Hóa học, Địa lí, GDCD nhận xét * Bước 7. GV nhận xét, tuyên dương, phát phần thưởng, định hướng kiến thức cho học sinh  1. **Đặt vấn đề ( nêu thực trạng của việc khan hiếm nước ngọt)**  * Tác phẩm viết về vấn đề báo động của việc khan hiếm nước ngọt hiện nay. * Vấn đề được khái quát ở phần 1 của tác phẩm. * Vấn đề được nêu lên có nội dung tương ứng với đề tài được nói lên trong tên văn bản, tạo tính thống nhất trong văn bản. * Nước ngọt đóng vai trò to lớn trong sinh hoạt, sản xuất của con người. Tạo thúc đẩy cân bằng sinh thái, phát triển kinh tế, duy trì sự sống cho con người, động thực vật trên trái đất. * Hiện nay, con người chúng ta bị ảo tưởng về vấn đền nước không không bao giờ cạn kiệt   +Bởi hệ thống nước xung quanh chúng ta là rất nhiều.  + Điều đó tạo cảm giác chúng ta sẽ không bao giờ thiếu nước  +Đây chính là suy nghĩ sai lầm, thật “ nhầm to” của chúng ta.   * Đặt vấn đề ngắn gọn , thông qua chính thực tế của chúng ta.  1. **Giải quyết vấn đề (Nguyên nhân- hậu quả của việc khan hiếm nước ngọt)**   \****Nguyên nhân***  - Xung quanh chúng ta đều là nước, nhưng là nước mặn không phải nước ngọt. Cũng không phải nước sạch mà con người và động thực vật có thể sử dụng.  - Phân hóa nước ngọt không đồng đều ngay cả trên thế giới và ở Việt Nam.  +Trên thế giới nói chung  ++ Nước ngọt hầu hết nằm ở Bắc cực đang trong trạng thái đóng băng.  ++ Số lượng nước ngọt chỉ có thể sử dụng ở sông, suối, đầm, ao, hồ, nguồn nước ngầm.  + Ở Việt Nam  ++ Có những nơi lúc nào cũng ngập nước, nơi lại khan hiếm  ++ Như ở Đồng văn, Hà Giang để lấy nước ngọt bà con phải đi xa vài ba cây số.  ++ Nước ngọt ở đây có nhưng lại nằm sâu dưới lòng đất, kinh phí để khai thác rất tốn kém và cũng vô vàn khó khăn khi bị phân bố dưới chủ yếu là núi đá.   * Số nước ngọt không tự tạo ra, bên cạnh đó đang bị ô nhiễm do chính con người tạo ra.   + Rác thác được bắt nguồn từ các mặt trong cuộc sống.  + Có những rác thải mất hàng chục năm mà chưa tiêu hủy được.  + Những chất độc ngấm xuống đất, thải ra sông suối   * Nước ngày càng khan hiếm.   - Dân số ngày càng tăng cao, khoảng hơn 2 tỉ người đang sinh sống điều đó có nghĩa hơn 2 tỉ người đang sống trong cảnh thiếu ngước ngọt trong sinh hoạt.  - Cuộc sống con người ngày càng văn minh, tiên bộ, nhu cầu sử dụng nước tăng cao đi đôi với sự gia tăng dân số dẫn đến tình trạng thiếu nước ngày càng nghiêm trọng. Chúng ta tốn từ 1000 đến 70000 nghìn tấn nước chỉ vì một tấn lương thực, thực phẩm.  ***\* Hậu quả***  -Tình trạng thiếu nước diễn ra trong sinh hoạt con người, đất đai khô cằn; cây cối, muôn vật không sống nổi.  => Ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và kinh tế nghiêm trọng đối với con người.  **3.Khẳng định và nêu giải pháp**  - Khẳng định vấn đề  + Nước ngọt ngày càng khan hiếm  + Chi phí để có nước sạch và hợp vệ sinh rất tốn kém.   * Nêu giải pháp   + Tăng cường khai thác nguồn nước ngọt.  + Sử dụng hợp lí nguồn nước.  + Tiết kiệm nguồn tài nguyên nước có sẵn trong tự nhiên. | |
| **Hoạt động: Tổng kết** | 1. **Tổng kết** |
| 1. **Mục tiêu:** HS tổng kết lại kiến thức đã học về nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa, cách đọc hiểu văn bản nghị luận 2. **Phương thức thực hiện**: thảo luận cặp đôi 3. **Yêu cầu sản phẩm**: trình bày bằng miệng 4. **Đánh giá kết quả thực hiện**   ***Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ***  Em hãy cho biết tác phẩm đề cập đến vấn đề gì? Văn bản đã có ý nghĩa như thế nào với chúng ta? Cách trình bày văn bản nghị luận?  ***Bước 2.Thực hiện nhiệm vụ***  HS thảo luận trong 3p  ***Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận***  HS: Đại diện 2 nhóm trình bày, hs nhận xét, phản hồi  ***Bước 4. Báo cáo kết quả và thảo luận***  GV nhận xét, định hướng kiến thức  HS tự ghi vào vở. | 1. Nội dung   Văn bản là hồi chuông báo động cho thực trạng khan hiếm nước ngọt trên toàn cầu. Đồng thời là thức tỉnh bài học nhận thức của mỗi chúng ta về thực trạng khan hiếm nước ngọt.   1. Nghệ thuật   Sử dụng thành công văn nghị luận xã hội để phản ánh một sự việc, hiện tượng trong cuộc sống qua phương pháp lập luận thông qua số liệu, dẫn chứng cụ thể đầy thuyết phục.   1. Hướng dẫn đọc hiểu văn bản nghị luận sự việc, hiện tượng đời sống  * Đề tài: những hiện sự việc, hiện tượng có thật nổi lên trong đời sống của toàn xã hội. * Bài viết cần có giải pháp cho vấn đề, đây là giải pháp thiết thực và đi đến bài học nhận thức cho con người. * Phương pháp lập luận: nêu khái niệm, định nghĩa, so sánh, đối chiếu, bàn luận, liệt kê, nêu số liệu.. * Các bước làm văn nghị luận: Bố cục gồm 3 phần ( Nêu/đặt vấn đề; giải quyết vấn đề; khẳng định vấn đề) |

**Họạt động 3. Luyện tập**

1. **Mục tiêu**: Hs sử dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề.
2. **Phương thức thực hiện**: hoạt động cá nhân.
3. **Yêu cầu sản phẩm**: trình bày miệng, có sản phẩm trong vở .
4. **Tổ chức thực hiện**

***Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ***

*GV: Em hãy kể 3 tác dụng của nước ngọt mang lại? Em sẽ làm gì trước tình trạng khan hiếm nước ngọt hiện nay? So với những điều về nước, văn bản cho em hiểu thêm những gì?*

***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ***

HS thực hiện nhiệm vu trong thời gian 2p.

***Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận***

HS: 3 hs trình bày kết quả, tương tác, giải quyết vấn đề.

***Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Gv nhận xét, định hướng kiến thức

**Hoạt động 4. Vận dụng**

1. **Mục tiêu**: Hs sử dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề.
2. **Phương thức thực hiện**: hoạt động cá nhân.
3. **Yêu cầu sản phẩm**: trình bày miệng, có sản phẩm trong vở .
4. **Tổ chức thực hiện**

***Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ***

*GV: Viết đoạn văn khoảng 8-10 dòng về chủ đề môi trường, có sử dụng thành ngữ “ nhiều như nước”*

***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ***

HS thực hiện nhiệm vu trong thời gian 5p.

***Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận***

HS: 3 hs trình bày kết quả, tương tác, giải quyết vấn đề.

***Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Gv nhận xét, định hướng kiến thức.

**Hoạt động 5. Tìm tòi mở rộng**

1. **Mục tiêu**: Hs sử dụng kiến thức đã học để mở rộng vấn đề
2. **Phương thức thực hiện**: hoạt động cá nhân.
3. **Yêu cầu sản phẩm**: trình bày miệng, có sản phẩm trong vở .
4. **Tổ chức thực hiện**

***Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ***

*GV: Em hãy tìm sự khác biệt giữa nước ngọt trong trong sinh hoạt với nước ngọt có ga.*

***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ***

HS thực hiện nhiệm vu trong thời gian 5p.

***Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận***

HS: 3 hs trình bày kết quả, tương tác, giải quyết vấn đề.

***Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Gv nhận xét, định hướng kiến thức.

*Người soạn: Phan Thị Thùy Dung*

*Ngày soạn: ……………… Ngày dạy:…………….*

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

(Thời lượng 2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

- Khái niệm văn bản, đoạn văn, từ Hán Việt.

- Học sinh viết được đoạn văn theo chủ đề

***2. Về năng lực:***

- Nhận biết các từ Hán Việt

- Nhận biết nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và từ có yếu tố Hán Việt.

- Biết cách trình bày đúng hình thức một đoạn văn, văn bản.

- Nhận biết được câu chủ đề của đoạn văn, văn bản

- Biết cách viết một đoạn văn theo chủ đề, có sử dụng câu chủ đề

***3. Về phẩm chất:***

- Có ý thức giữ gìn tiếng Việt, học hỏi, trân trọng từ Hán Việt

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề**

1. **Mục tiêu**: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.
2. **Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời.
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
4. **Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**

* Cho học sinh xem video bài hát “Thương ca Tiếng Việt”

? Bài hát gợi cho em suy nghĩ, cảm xúc gì?

****

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS xem, nghe và suy nghĩ cá nhân

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời

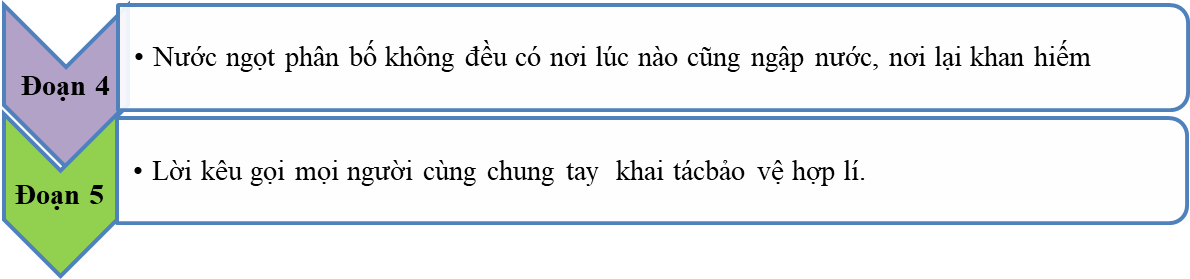
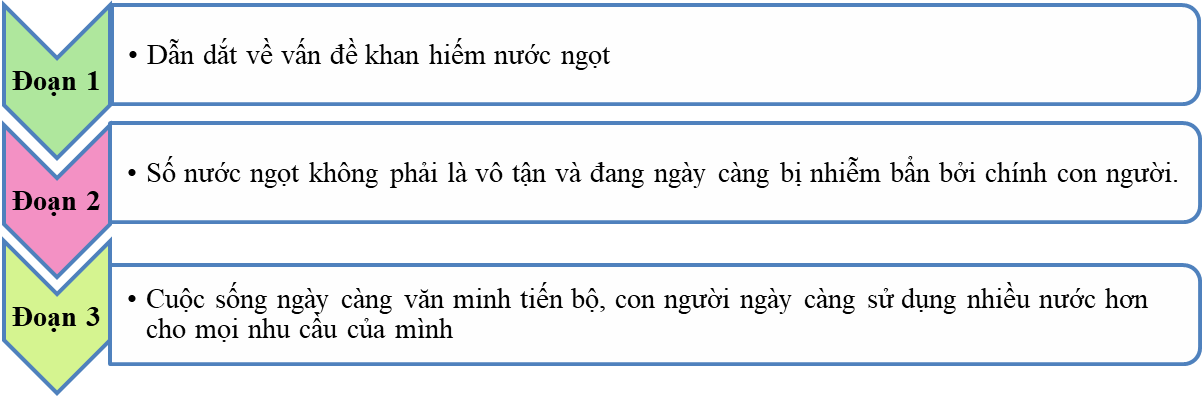
* Dự kiến sản phẩm: Tiếng Việt rất giàu và đẹp, qua bài hát em thêm yêu quý trân trọng tiếng mẹ đẻ.

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, dẫn dắt vào bài

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. **Từ Hán Việt** | | | | |
| **a. Mục tiêu**: Giúp HS  - Hiểu được thế nào là từ Hán Việt  **b. Nội dung**:  GV đặt câu hỏi cho HS thảo luận.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.  - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện** | | | | |
| **Hoạt động của GV &HS** | **Sản phẩm dự kiến** | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV đọc phần kiến thức Ngữ văn và quan sát ví dụ:  ? Nối cột A với Cột B   |  |  | | --- | --- | | **A** | **B** | | 1. Tráng sĩ | a. Người làm thơ | | 2. Dũng sĩ | b. Người có sức lực cường tráng chí khí mạnh mẽ. | | 3. Thi sĩ | c.Người giỏi nghề vẽ. | | 4. Họa sĩ | d.Người dũng cảm, không ngại hiểm nguy |   ? Theo em các từ trên có nguồn gốc từ đâu?  ? Thế nào là từ Hán Việt  ? Cho ví dụ  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: HS quan sát, suy nghĩ trả lời câu hỏi  - Đọc phần kiến thức ngữ văn SGK trang 48  **GV: H**ướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trả lời câu hỏi  - Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần)  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Chốt kiến thức lên màn hình.  Dự kiến sp   * 1-b; 2-d; 3-a; 4-c * Đây là từ mượn của tiếng Hán * Từ Hán Việt | *a) Khái niệm từ Hán Việt*  - Là những từ mà tiếng Việt mượn từ tiếng Hán (tiếng Trung Quốc) được đọc theo cách đọc Hán Việt.  Ví dụ: sơn hà, quốc gia, vĩ đại, nhân ái   * Cấu tạo: thường không có khả năng sử dụng như một từ đơn, để tạo câu như từ thuần việt, mà thường dùng để tạo từ ghép * Một số từ Hán Việt được Việt hóa ở mức độ cao được sử dụng như từ thuần việt. * Ví dụ: áo, quần, buồm, buồng | | | |
| 1. **Văn bản, đoạn văn** | | | | |
| **a. Mục tiêu**: Giúp HS:  - Hiểu được khái niệm văn bản, đoạn văn  - Nhận biết được câu chủ đề trong đoạn văn, hình thức của đoạn văn  - Viết một đoạn văn theo chủ đề, có sử dụng câu chủ đề  **b. Nội dung**:  - GV chia nhóm, đưa ra yêu cầu cho HS  - HS làm việc thảo luận nhóm thống nhất ý kiến đưa ra đáp án  **c. Sản phẩm:** Phiếu học tập, câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện** | | | | |
| **Hoạt động của GV &HS** | **Sản phẩm dự kiến** | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS đọc phần kiến thức ngữ văn, đọc bài tập 3  - Chia lớp thành 4 nhóm  - Phát phiếu học tập  ? Qua tìm hiểu bài tập trên em hiểu thế nào là văn bản, đoạn văn?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài.  - Thảo luận nhóm  - GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  - HS báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau. | a) Khái niệm văn bản, đoạn văn  \* Văn bản  - Là một đơn vị ngôn ngữ trình bày trọn vẹn một vấn đề trong giao tiếp. Thông thường văn bản là bài nói, bài viết, có các bộ phân thống nhất về chủ đề, liên kết bằng những từ ngữ nhất định và được sắp xếp theo một thứ tự hợp lí.  - Văn bản có thể gồm một hoặc một số đoạn.  - Đoạn văn thể hiện một chủ đề nhỏ, thường có một câu nêu lên chủ đề của đoạn, và một số câu phát triễn chủ đề. | | | |
| **3. HĐ 3: Luyện tập**  ***a) Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể  ***b) Nội dung:*** HS suy nghĩ cá nhân, thảo luận nhóm, hoàn thành các bài tập SGK  ***c) Sản phẩm:*** Đáp án đúng của bài tập  ***d) Tổ chức thực hiện*** | | | | |
| **Hoạt động của GV &HS** | | | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS xác định yêu cầu của bài tập 1, 2 SGK tráng 54.  - Chia lớp thành 4 nhóm thảo luận  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài.  - Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả  - GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  - HS báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau | | | | ***Bài tập 1***  - Từ Hán Việt: văn minh  - Văn minh là quy tắc ứng xử tôn trọng lẫn nhau, cử xử đúng phép tắc, lịch sự với nhau.  - Cách đối xử kém văn minh với động vật đó là: đánh đập động vật, hành hạ, ngược đãi động vật.  ***Bài tập 2***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Từ thuần việt** | **Từ Hán Việt** | **Cặp từ đồng nghĩa** | | * Đất liền * Biển cả | * Đại dương * Lục địa | * Đất liền- lục địa * Đại dương- biển cả | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS xác định yêu cầu của bài tập 4, 5 SGK trang 54.  - GV chia nhóm cho HS thảo luận  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** đọc SGK , đặt nhan đề, tìm câu chủ đề  **GV** hướng dẫn HS đặt nhan đề, xác định câu chủ đề  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm.  **GV** yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuyển dẫn vào HĐ sau | | | | **Bài tập 4**   * Nhan đề: + Hoa hậu của tôi   + Mẹ người xinh đẹp tốt bụng nhất  **Bài tập 5**: Câu chủ đề   * a) Chăm sóc vật nuôi sẽ giúp trẻ có một cơ hội tuyệt vời để tìm hiểu về hậu quả. * b) Những loài động vật bé nhỏ đã nuôi dưỡng biết bao tâm hồn trẻ thơ, vẽ nên những bức tranh kí ức về thời ấu thơ tươi đẹp   c) Vì vậy, khó mà tưởng tượng được rằng nếu không có động vật thì cuộc sống của con người sẽ ra sao. |
| **4. HĐ 4: Củng cố, mở rộng**  ***a) Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể  ***b) Nội dung:*** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao  ***c) Sản phẩm:*** Đáp án đúng của bài tập  ***d) Tổ chức thực hiện*** | | | | |
| **Hoạt động của GV &HS** | | **Sản phẩm dự kiến** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giáo bài tập cho HS  **Bài tập:** Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 5-7 dòng) với câu chủ đề: Chúng ta cần đối xử thân thiện với động vật.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS: đúng hình thức, đúng chủ đề  + Một đoạn văn, không xuống dòng, tách đoạn, có liên kết câu chặt chẽ.  + Đúng chủ đề, có sử dụng câu chủ đề trong đoạn văn.  **HS : L**àm bài theo yêu cầu của GV  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.  - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá nhận xét bài làm của HS bằng điểm số   * Dặn dò HS chuẩn bị nội dung cho bài học tiếp theo | | | | **Bài tập 1**  Chúng ta cần đối xử thân thiện với động vật. Động vật không chỉ có vai trò quan trọng trong đời sống con người, mà nó còn nuôi dưỡng tâm hồn, kí ức tuổi thơ của mỗi chúng ta. Vì vậy mỗi chúng ta cần yêu quý bảo vệ động vật như bảo vệ ngôi nhà chung của Trái đất, bằng những việc làm cụ thể. Tạo môi trường sống cho động vật, tham gia bảo vệ, trồng và chăm sóc cây xanh, không xả rác bữa bãi. Tuân thủ tuyên truyền các biện pháp bảo vệ, yêu quý động vật cho bạn bè, người thân. Động vật cũng có quyền được sống giống như con người. |

**PHIẾU HỌC TẬP SỬ DỤNG TRONG BÀI**

**ĐÁP ÁN PHIẾU HỌC TẬP**



**Chủ đề văn bản: Sự khan hiếm của nước ngọt**

1. Nội dung các đoạn là luận điểm phục vụ cho chủ đề của văn bản
2. Sử dụng phép nối là quan hệ từ “Vì vậy” tạo liên kết giữa các câu trong đoạn

|  |  |
| --- | --- |
| **Một số kí hiệu trong KHBD**  **?** câu hỏi của giáo viên  **GV**: hoạt động của giáo viên  **HS**: hoạt động của học sinh | Người thiết kế: **HOÀNG THỊ NHINH**  Đơn vị: Trường PTDTBT THCS Đứa Mòn, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.  Số ĐT: 0987.963.361 |

*Ngày soạn: ……………… Ngày dạy:…………….*

**TUẦN …..**

**THỰC HÀNH ĐỌC - HIỂU**

**TẠI SAO NÊN CÓ VẬT NUÔI TRONG NHÀ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

*-* Vận dụng những hiểu biết về văn nghị luận xã hội vào đọc hiểu văn bản:

+ Xác định được nhan đề, nội dung, đề tài của bài viết

+ Hiểu, xác định, lý giải được ý kiến nghị luận, lí lẽ, bằng chứng của người viết đưa ra trong văn bản nghị luận xã hội.

+ Nắm được cách trình bày văn bản nghị luận.

+ Nhận ra được ý nghĩa, mối quan hệ giữa vấn đề đặt ra trong văn bản đối với đời xống xã hội và bản thân.

**2. Về năng lực:**

- Phát triển năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề, tự học.

**3. Về phẩm chất:**

- Biết chăm sóc, yêu quý và bảo vệ động vật, sống hòa hợp với thiên nhiên.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề**

**a. Mục tiêu**: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

**b. Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

Chiếu cho học sinh quan sát 03 bức tranh chuẩn bị trong slides. Bức tranh gợi cho em suy nghĩ gì về mối quan hệ giữa con người và vật nuôi trong nhà?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **C:\Users\Administrator\Desktop\24-hinh-anh-ly-giai-vi-sao-tre-em-nen-co-mot-thu-cung_194d517a11.jpg** | **C:\Users\Administrator\Desktop\tải xuống.jpg** | **C:\Users\Administrator\Desktop\24-hinh-anh-ly-giai-vi-sao-tre-em-nen-co-mot-thu-cung_c3ab3498db.jpg** |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

- Dự kiến sản phẩm: Con người và vật nuôi trong nhà có mối quan hệ gần gũi, thân thiết với nhau. Vật nuôi đem lại cho con người rất nhiều lợi ích…

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **I. HƯỚNG DẪN CÁCH ĐỌC** | | | |
| **Mục tiêu**: Giúp HS biết cách đọc một văn nghị luận xã hội (trình bày một ý kiến, vấn đề, hiện tượng đặt ra trong cuộc sống)  **Nội dung**:  - GV hướng dẫn HS cách đọc, đọc mẫu.  - HS đọc văn bản | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **GV**: Hướng dẫn học sinh đọc văn bản, đọc mẫu.  **GV:** yêu cầu HS đọc văn bản: “Tại sao nên có vật nuôi trong nhà” trong SGK.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: Hoạt động cá nhân đọc văn bản “Tại sao nên có vật nuôi trong nhà”.  GV: Gọi một số HS đọc.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  HS: Theo dõi bạn đọc, nhận xét, chỉnh sửa  GV: Nhận xét, chỉnh sửa cách đọc của HS  HS: Tiếp thu, rút kinh nghiệm cho lần đọc sau tốt hơn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV: Nhấn mạnh cho HS những điểm quan trọng trong khi đọc một văn bản nghị luận bất kỳ. | | | - HS biết cách đọc to, rõ ràng, nhấn mạnh những từ in đậm, từ khóa lý giải lý do tại sao nên có vật nuôi trong nhà. |
| **II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN** | | | |
| 1. **Vấn đề nghị luận** | | | |
| **Mục tiêu**: Giúp HS  - Xác định được bố cục, những luận điểm chính, lý lẽ, dẫn chứng, lập luận lý giải vấn đề đặt ra trong văn bản nghị luận.  **Nội dung**:  - Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.  - GV chuẩn bị phiếu học tập cho HS. | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **GV:** HS Chú ý các chữ in đậm ở đầu mỗi đoạn trong văn bản.  ? Ở văn bản này người viết định bảo vệ hay phản đối điều gì?  ? Văn bản chia làm mấy đoạn, và có mấy lý do để lý giải vì sao nên có vật nuôi trong nhà?  ? Nội dung triển khai ở từng đoạn có làm sang tỏ cho các chữ in đậm ở đầu đoạn không?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** quan sát SGK thực hiện nhiệm vụ  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** tìm kiếm thông tin trả lời câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức. | | **- Vấn đề nghị luận**: Bảo vệ, khẳng định, lý giải vì sao cần có vật nuôi trong nhà.  - Có 11 đoạn và 9 lí do  - Làm sáng tỏ. | |
| 1. **Phân tích vấn đề nghị luận** | | | |
| **Mục tiêu**: Giúp HS  - Biết cách dẫn dắt vấn đề vào bài  - Nhận biết được các lí lẽ, bằng chứng trong văn bản  - Hiểu mối quan hệ gần gũi, gắn bó giữa động vật và con người  - Có ý thức bảo vệ, thái độ yêu quý, trân trọng và đối xử thân thiện với động vật.  **Nội dung**:  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm cho HS.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần) | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **GV:** Chia nhóm hoàn thành phiếu học tập nhanh thông qua trò chơi tiếp sức. (Phiếu học tập số 1)  - Phát phiếu học tập số 1: Dựa vào cách trình bày văn bản để nêu khái quát các lợi ích của vật nuôi?  - Phát phiếu học tập số 2: Chỉ ra lí lẽ và bằng chứng trong đoạn giảm stress  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - 2 phút làm việc cá nhân  - 3 phút thảo luận nhóm, 2 phút hoàn thành phiếu học tập thông qua trò chơi tiếp sức.  **GV**: Theo dõi, dướng dẫn, hỗ trợ, tháo gỡ khó khan, vướng mắc cho HS.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:** - Yêu cầu nhóm HS trình bày thông qua trò chơi tiếp sức.  **HS:** - Trình bày sản phẩm  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm.  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau. | ***a) Các lợi ích của vật nuôi trong nhà***  + Phát triển ý thức  + Bồi dưỡng sự tự tin  + Vui chơi và luyện tập  + Giúp trẻ thoải mái, bình tĩnh.  + Giảm stress  + Cải thiện kĩ năng đọc  + Tìm hiểu về hậu quả  + Học cách cam kết  + Tạo tính kỉ luật  \* Lí lẽ và bằng chứng trong đoạn giảm stress:  - Lí lẽ: Loài vật cũng tỏ ra thật tuyệt vời khi có thể làm giảm stress  + Cử chỉ âu yếm, vuốt ve những chú chó có thể mang đến cảm giác an toàn cho lũ trẻ  + Loài mèo có thể giúp làm giảm căng thẳng và mệt mỏi cho con người  + Khi chúng cọ vào người bạn, lớp lông mềm mượt cùng với tiếng :" gừ, gừ" sẽ mang đến cho bạn một cảm giác thật bình yên  ***=>Khẳng định lợi ích, tầm quan trọng của việc nuôi một con vật trong nhà sẽ giúp trẻ học được nhiều kĩ năng sống cũng như cái thiện đời sống tinh thần.*** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV: Đặt câu hỏi:  ? Theo em hiểu “Hậu quả” là gì?  ? Nội dung hai văn bản “Tại sao nên có vật nuôi trong nhà” và “Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật” có điểm gì giống nhau? Điểm giống nhau ấy có ý nghĩa gì đối với em? (câu hỏi 5/sgk)  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: Hoạt động cá nhân  - Đọc SGK và so sánh điểm giống nhau giữa hai văn bản đã đọc hiểu.  **GV:** Dự kiến KK: câu hỏi số 5 so sánh hai văn bản.  - Tháo gỡ KK ở câu hỏi (5/sgk) bằng câu hỏi gợi mở điểm giống nhau giữa hai văn bản.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:** Yêu cầu HS trình bày ý kiến, qua điểm  **HS** : - Trả lời câu hỏi của GV.  - Theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bạn.  **B4: Kết luận, nhận định:**  **GV: -** Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của cá nhân.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau | ***b) Bài học liên hệ bản thân***  - Hậu quả là kết quả không hay về sau  - Điểm giống nhau của hai văn bản chính là nội dung của hai văn bản đều hướng về đối xử, bảo vệ động vật. Điểm giống nhau ấy chính là bài học cho em, giúp em hiểu được cách nên đối xử với động vật như thế nào.  ***=> Con người cần có ý thức bảo vệ, chăm sóc, yêu quý động vật và thiên nhiên.*** | | |
| **3. HĐ 3: Luyện tập**  **a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào thực tiễn.  **b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao  **c) Sản phẩm:** Ý kiến, quan điểm của học sinh  **d) Tổ chức thực hiện** | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**:  Giáo viên giao bài tập cho HS  Tình huống: Con vật mà em yêu quý nhất là con gì? Em hãy đưa ra những lí lẽ, dẫn chứng nhằm thuyết phục bố mẹ em để được nuôi con vật em yêu quý đó?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS: Tìm thêm một số lí lẽ, dẫn chứng về vai trò, lợi của động vật đối với đời sống con người  **HS** : Liệt kê các vai trò, lợi ích của động vật đối với đời sống con người  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu HS trình bày quan điểm, ý kiến của bản thân  - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bằng khuyến khích, khen ngợi… | |  | |
| **4. HĐ 4: Củng cố, mở rộng**  **a) Mục tiêu:** Cũng cố kiến thức, làm rõ mối quan hệ của ý kiến, lí lẽ, bằng chứng bằng sơ đồ. Biết ứng dụng sơ đồ trong việc tóm tắt nội dung bài học.  **b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.  **c) Sản phẩm:** Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).  **d) Tổ chức thực hiện** | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)  ? Hãy hệ thống lại lợi ích cả vật nuôi trong nhà bằng sơ đồ để thấy được vai trò, tầm quan trọng của vật nuôi, thiên nhiên đối với cuộc sống của con người.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS xác định nhiệm vụ.  **HS** đọc, xác định yêu cầu của bài tập, suy nghĩ và hệ thống lại kiến thức bài học  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét ý thức làm bài của HS  - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS:** báo cáo kết quả học tập, tự đánh giá  **GV**: Nhận xét sản phẩm của hs, hướng dẫn học sinh tự đánh giá. | |  | |

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi**  **chú** |
| - Hình thức hỏi  đáp  - Thuyết trình sản  phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội  dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia  tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các  phong cách học khác nhau  của người học | - Báo cáo thực hiện  công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi  và bài tập  - Trao đổi, thảo  luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**PHIẾU HỌC TẬP SỬ DỤNG TRONG BÀI**

**+ Phiếu học tập số 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Lợi ích của vật nuôi** | Giảm stress |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |

**Phiếu học tập số 2**

\* Lí lẽ lợi ích của vật nuôi trong giảm stress:

…………………………………………………………………………………….…………………………………………………………………………………….……………………………………………………………………………

**- Bằng chứng 1:**

…………………………………………………………………………………….…………………………………………………………………………………….……………………………………………………………………………

**- Bằng chứng 2:**

…………………………………………………………………………………….…………………………………………………………………………………….……………………………………………………………………………

**- Bằng chứng 3:**

…………………………………………………………………………………….…………………………………………………………………………………….……………………………………………………………………………

**C. NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG TRONG ĐỜI SỐNG**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

- Xác định được ý kiến, trình bày quan điểm, suy nghĩ của bản thân trước một hiện tượng trong đời sống.

- Trình bày ý kiến, quan điểm, suy nghĩ của bản thân về một hiện tượng trong đời sống.

- Biết lắng nghe các ý kiến nhận xét, phản hồi từ phía người nghe;

- Biết chú ý lắng nghe để nắm đầy đủ, chính xác các ý tưởng của người nói; tham gia trao đổi tích cực về vấn đề được trình bày.

***2. Về năng lực:***

- Biết cách nói và nghe phù hợp, sử dụng các lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục.

***3. Về phẩm chất:***

- Yêu quý, trân trọng những giá trị tốt đẹp trong cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ 1: Xác định vấn đề**

**a) Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học

**b) Nội dung:**

**-** GV yêu cầu HS quan sát video và giao nhiệm vụ cho HS.

**-**  HS quan sát video, lắng nghe câu chuyện được kể và trả lời câu hỏi của GV.

**c) Sản phẩm:**

- HS xác định được nội dung của tiết học là nói và nghe về một hiện tượng trong cuộc sống.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ*:*** GV chiếu video có nội dung ý nghĩa về một hiện tượng trong đời sống, sau đó giao nhiệm vụ cho HS:

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời: Video gợi cho em những suy nghĩ và cảm xúc như thế nào về hiện tượng đời sống đó?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ quan sát, lắng nghe đoạn video và chia sẻ những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân sau khi xem video*.*

- GV chấn chỉnh những HS chưa tập trung vào video (nếu có).

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Giới thiệu bài học nói và nghe.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS chia sẻ, thảo luận về vấn đề nghị luận trong video

**B4: Kết luận, nhận định:**GV nhận xét và kết nối vào bài

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TRƯỚC KHI NÓI** | | | |
| **Mục tiêu:**  - HS xác định được mục đích nói và người nghe  - Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói  **Nội dung:**  - GV hỏi và nhận xét xâu trả lời của HS  - HS trả lời câu hỏi của GV | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Các bước để hoàn thành một bài nói?  ? Mục đích nói của bài nói là gì?  ? Những người nghe là ai?  ? Phát phiếu học tập cho HS?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ câu hỏi của GV, hoàn thành phiếu học tập  - Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi.  - Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ.  ? Em sẽ nói về nội dung gì?  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS trả lời câu hỏi của GV.  - HS hoàn thành, trình bày phiếu học tập  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn sang mục b. | **1. Chuẩn bị bài nói và các bước tiến hành**  **\* Trước khi nói**  + Lựa chọn đề tài, nội dung nói;  + Tìm ý, lập ý cho bài nói;  + Chỉnh sửa bài nói;  + Tập luyện.  *- Xác định vấn đề nghị luận: Nhiều người cho rằng nên có các con vật nuôi trong nhà, em có ý kiến gì về vấn đề này.*  - Xác định mục đích nói và người nghe (SGK).  - Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng.  **2. Tập luyện**  - HS nói một mình trước gương.  - HS nói tập nói trước nhóm/tổ. | | |
| **TRÌNH BÀY NÓI** | | | |
| **Mục tiêu:**  - Luyện kĩ năng nói cho HS  - Giúp HS nói có đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông.  **Nội dung:** GV yêu cầu :  - HS nói theo dàn ý có sẵn ở tiết HĐ viết & nhận xét HĐ nói của bạn. | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS nói theo dàn ý của HĐ viết  - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS xem lại dàn ý của HĐ viết  - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS nói (4 – 5 phút).  - GV hướng dẫn HS nói  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau. | | - HS nói trước lớp  - Yêu cầu nói:  + Nói đúng mục đích (bàn luận về ý kiến: Nên có các con vật nuôi trong nhà)  + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí.  + Nói to, rõ ràng, truyền cảm.  + Điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt…phù hợp. | |
| **TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI** | | | |
| **Mục tiêu:** Giúp HS  - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  **Nội dung:**  - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả. | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí.  - Yêu cầu HS đánh giá  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:** Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí.  HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - **GV** yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  - **HS** nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau. | | | - Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  - Nhận xét của HS |

**3. Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Giúp các em vận dụng các kĩ năng nói và nghe vào giải quyết một tình huống, hiện tượng trong đời sống.

**b) Nội dung:** HS suy nghĩ trình bày quan điểm

**c) Sản phẩm:** Ý kiến, quan điểm, lí le, dẫn chứng của học sinh.

**d) Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao tình huống cho HS

Tình huống: “*Em rất thích nuôi chó con, nhưng bố em không đồng ý; vậy em hãy đưa ra những lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục bố em thay đổi ý kiến để đồng ý cho em nuôi chó con”*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**4. Củng cố, mở rộng**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**:

? Em hãy sắp xếp các bước theo thứ tự, điều cần thực hiện trước khi trình bày một bài nói:

+ Tìm ý, lập ý cho bài nói;

+ Tập luyện.

+ Lựa chọn đề tài, nội dung nói;

+ Chỉnh sửa bài nói;

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS sắp xếp các bước cần làm để có một bài nói hoàn chỉnh, thuyết phục.

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

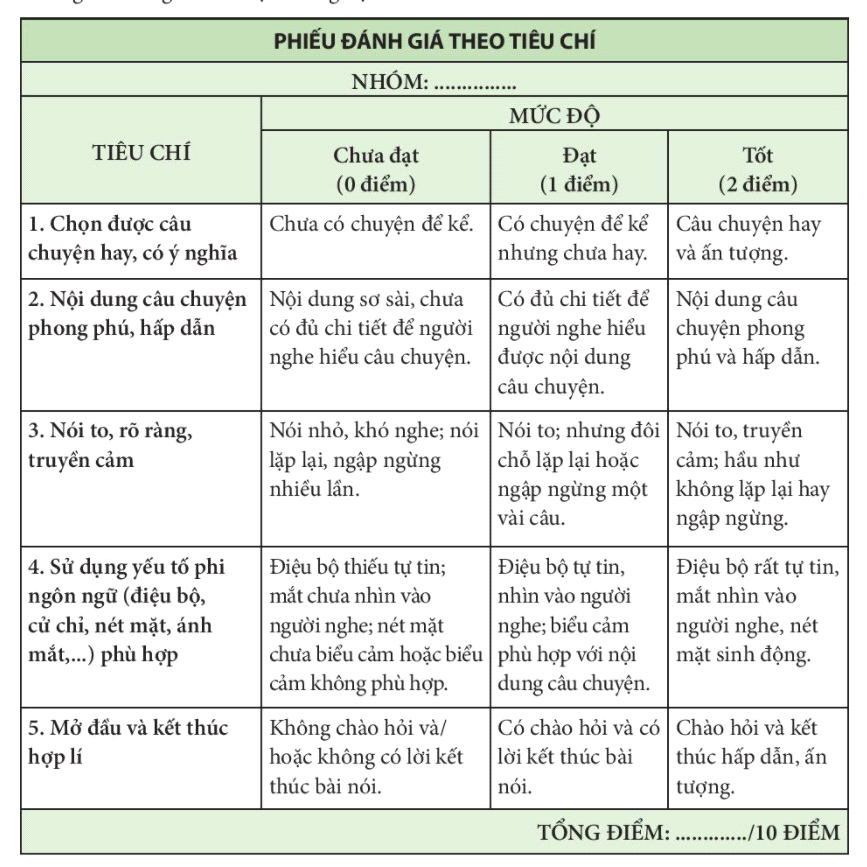
- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS chưa tích cực trong học tập.

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

**IV**. **KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp;  - Hình thức nói – nghe (thuyết trình sản phẩm của mình và nghe người khác thuyết trình). | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung;  - Hấp dẫn, sinh động;  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học;  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học. | - Báo cáo thực hiện công việc;  - Phiếu học tập;  - Hệ thống câu hỏi và bài tập;  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**



**PHIẾU HỌC TẬP**

Chuẩn bị bài nói trình bày ý kiến về một vấn đề, hiện tượng trong đời sống

* Vấn đề, hiện tượng tôi sẽ trình bày:
* Ý kiến của tôi:

Bước 1: Xác định đề tài, không gian, thời gian nói:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Yếu tố | Dự kiến | Cách trình bày phù hợp |
| Mục đích bài nói |  |  |
| Người nghe |  |  |
| Thời gian |  |  |
| Không gian |  |  |

**Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý**

Những phương tiện phi ngôn ngữ tôi sẽ sử dụng để tang sức thuyết phục cho bài nói:

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

Dự kiến các ý kiến phản biện và ý kiến phản hồi:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Stt | Dự kiến ý kiến phản biện | Phản hồi của tôi |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| 3 |  |  |

\* Lập dàn ý nói dựa vào sơ đồ sau:

Sơ đồ hệ thống ý

Lí lẽ 1

Lí lẽ 3

Lí lẽ 2

Bằng chứng 3.2; 3.2…

Bằng chứng 2.1; 2.2…

Bằng chứng 1.1; 1.2…

\* Bước 3: Luyện tập và trình bày

- Những cách trình bày hấp dẫn:

……………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………

- Dự kiến phần mở đầu:

……………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………..………………………………………………………………………………..

- Dự kiến phần kết thúc:

……………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………..

**GV: ĐỖ NHƯ PHƯỢNG**

**TRƯỜNG : PHAN SÀO NAM – NT-KH**

**…………………………………………….0O0………………………………**

**BÀI 8 : VĂN BẢN NGHỊ LUẬN (12 tiết)**

**VIẾT**

**VIẾT BÀI VĂN TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG.**

Thời gian thực hiện: 3 tiết

**I. MỤC TIÊU:**

***1. Về kiến thức****:*

- HS biết chọn một hiện tượng (vấn đề) để trình bày ý kiến của bản thân bằng một bài viết được thực hiện theo các bước của quy trình viết bài bản.

- Bài viết bảo đảm các đặc trưng của kiểu bài nghị luận, dùng lí lẽ, bằng chứng, có phương thức biểu đạt phù hợp.

***2. Về năng lực****:*

- Nêu được hiện tượng (vấn đề) để bàn luận.

- Người viết có thái độ rõ ràng về hiện tượng.

- Đưa ra lí lẽ và bằng chứng để ý kiến có sức thuyết phục.

- Trình bày được mối quan hệ giữa ý kiến lí lẽ, bằng chứng dưới dạng sơ đồ.

- Nhận ra được ý nghĩa vấn đề đặt ra trong văn bản đối đời xống xã hội và đối với bản thân.

***3. Về phẩm chất****:*

- *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào hoàn cảnh thực tế, học hỏi, sáng tạo.

-*Trách nhiệm:* Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A1hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.

**2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề**  *a) Mục tiêu:*  - Tạo tâm thế hứng thú cho Hs.  - Kích thích Hs tìm hiểu những đặc điểm cơ bản của kiểu bài nghị về một sự vật, hiện tượng trong đời sống.  *b) Nội dung:*  *-* GV giao nhiệm vụ cho học sinh quan sát tranh.    - GV giao nhiệm vụ khám phá kiến thức bài học cho học sinh thông qua hệ thống câu hỏi.  *c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh*  *d) Tổ chức thực hiện:* | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi**  **Quan sát hình và cho biết:**  ?Hãy kể một số sự việc hiện tượng trong cuộc sống mà em biết?  ?Theo em sự việc nào đáng khen, sự việc nào đáng chê? Vì sao?  ?Để làm rõ điều đó, chứng ta cần lập luận như thế nào để thuyết phục người nghe, người đọc?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - GV chỉ định 1 - 2 học sinh trình bày nội dung câu trả lời.  - HS trình bày.  - Các bạn còn lại nhận xét về nội dung b của bạn đã trình bày.  - Dự kiến sản phẩm: Con người và thiên nhiên phải sống hòa hợp với nhau  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Yêu cầu học sinh nhận xét câu trả lời.  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.  ***GV từ đó dẫn dắt vào bài học:*** NL là dùng luận cứ, luận chứng, luận điểm để làm sáng tỏ 1 vấn đề. Vấn đề NL rất trừu tượng có thể là một sự việc, hiện tượng đời sống đáng khen hoặc đáng chê ... | - Nêu một số truyện truyện truyền thuyết, cổ tích đã học, đã nghe hoặc đã đọc (trước khi bước vào học lớp 6).  - Kể lại được một trong số các truyện đã nêu tên. |

|  |  |
| --- | --- |
| **2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**  **Nhiệm vụ 1:Định hướng**  *a) Mục tiêu:*  **HS biết được các yêu cầu đối với kiểu bài nghị luận về một sự vật, hiện tượng trong đời sống:**  - Trước một hiện tượng trong đời sống, có thể có nhiều ý kiển khác nhau.  -Nêu lên ý kiến và các lí lẽ, bàng chứng cụ thể nhằm thuyết phục người đọc, người nghe tán thành ý kiến của người viết, người nói về hiện tượng ấy. (trình bày một ý kiến).  *b) Nội dung:* GV sử dụng KT động não để hỏi HS về xác định yêu cầu, nội dung của đề.  *c) Sản phẩm:* Các câu trả lời của học sinh  *d) Tổ chức thực hiện:* | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi**  Với đề bài: Viết bài văn nghị luận về một sự vật, hiện tượng trong đời sống.  1. Kiểu bài yêu cầu chúng ta làm gì?  2. Kể những ra những hiện tượng đời sống cần quan tâm mà em biết?  3. Để trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống, các em cần làm gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện học sinh trình bày.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày kết quả  - Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức.  - Kết nối với đề mục: Thực hành viết bài văn | **I. ĐỊNH HƯỚNG**  **1. Đề bài:**  Viết bài văn nghị luận về một sự vật, hiện tượng trong đời sống.  **2. Các yêu cầu**  a) Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống là nêu lên những suy nghĩ và đưa ra được lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến của người viết về hiện tượng ấy.  b) Hiện tượng đời sống thường do đề bài nêu lên nhưng cũng có thể do người viết tự xác định. Dưới đây là một số ví dụ về hiện tượng đời sống cần quan tâm:  - Phải trồng nhiều cây xanh.  - Việc nuôi các con vật trong nhà.  - Việc sử dụng nước ngọt.  - Việc sử dụng bao bì ni lông.  - Hiện tượng học sinh chơi game(*Game* ở đây hiểu là trò chơi điện tử.)  - Một hiện tượng cần biểu dương trong nhà trường.  c) Để trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống, các em cần: nêu ý kiến của minh, giải thích vì sao, đưa ra các lí lẽ và bằng chứng. |
| **2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**  **Nhiệm vụ 2:Thực hành**  *a) Mục tiêu:* Giúp HS  - Biết viết bài theo các bước.  - Đặc điểm, yêu cầu của kiểu bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.  *b) Nội dung:* GV giao hoạt động dự án, yêu cầu học sinh thực hiện nhiệm vụ theo tổ.    *c) Sản phẩm:*Phần thực hiện dự án của học sinh.  *d) Tổ chức thực hiện:* | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua dự án**  **\*Nhiệm vụ 1: Chuẩn bị**  *- Tìm hiểu về các con vật nuôi.*  *- Ghi lại những thông tin về vật nuôi: Vật nuôi khác động vật hoang dã như thế nào? Lợi ích của vật nuôi là gì?... (Tham khảo văn bản Tại sao nên có vật nuôi trong nhà?).*  *- Có thể sử dụng internet đề thu thập thông tin, lấy tư liệu như video, hình ảnh minh hoạ, ý kiến của các nhân vật nổi tiếng,... và ghi lại nguồn dẫn các tư liệu đó.*  **Nhiệm vụ 2: Tìm ý**  ***Tìm ý bằng cách trả lời các câu hỏi:***  *+ Hiểu nào là những con vật nuôi?*  *+ Em biết tên những con vật nuôi nào? Nhà em có vật nuôi không?*  *+ Vật nuôi có những ưu điểm và hạn chế gì?*  *+ Nên hay không nên có vật nuôi trong nhà?*  **Nhiệm vụ 3: Lập dàn ý bài văn**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV**:  - Hướng dẫn học sinh để thực hiện các yêu cầu trong dự án: Chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý.  - Phát hiện các khó khăn học sinh gặp phải và giúp đỡ HS, gợi ý bằng những câu hỏi nhỏ:  1. Đề bài trên thuộc loại gì ?  2.Nêu sự việc hiện tượng gì? Đề yêu cầu làm gì?  3. Muốn làm được bài nghị luận cần phải trải qua các bước nào ?  4. Cần tìm ý như thế nào ?  5. Từ các ý tìm được trên hãy đưa ra dàn ý của đề bài trên ?  6. Khi đã có dàn ý lẫn viết bài như thế nào ?  7. Khi viết xong bài ta cần làm gì?  8. Khi sửa chữa cần chú ý những gì .  9. Qua việc tìm hiểu cách viết trên em rút ra kết luận gì về cách viết bài ?  - Sửa bài cho học sinh.  **Học sinh**:  - Hoàn thiện dự án theo tổ.  - Tìm ý theo hệ thống câu hỏi, nhiệm vụ giao.  - Lập dàn ý ra giấy và viết bài theo dàn ý.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - **GV**: Yêu cầu HS cử đại diện báo cáo sản phẩm.  - **HS**:  + Trình bày sản phẩm của mình.  + Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho tổ nhóm của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau. | **II. THỰC HÀNH**  Bài tập: *Nhiều người cho rằng nên có các con vật nuôi trong nhà. Em có ỳ kiến như thể nào về vấn đề này?*  **1. Chuẩn bị**  - Tìm hiểu về các con vật nuôi.  - Ghi lại những thông tin về vật nuôi: Vật nuôi khác động vật hoang dã như thế nào? Lợi ích của vật nuôi là gì?... (Tham khảo văn bản *Tại sao nên có vật nuôi trong nhà?).*  - Có thể sử dụng internet đề thu thập thông tin, lấy tư liệu như video, hình ảnh minh hoạ, ý kiến của các nhân vật nổi tiếng,... và ghi lại nguồn dẫn các tư liệu đó.  **2. Tìm ý và lập dàn ý**  **a) Tìm ý**  Tìm ý bằng cách trả lời các câu hỏi:  + Hiểu nào là những con vật nuôi?  + Em biết tên những con vật nuôi nào? Nhà em có vật nuôi không?  + Vật nuôi có những ưu điểm và hạn chế gì?  + Nên hay không nên có vật nuôi trong nhà?  **b) Lập dàn ý**  + Mở bài: Nêu vấn đề cần bàn luận (Nên hay không nên có vật nuôi trong nhà?).  + Thân bài: Lần lượt trình bày ý kiến của em theo một trình tự nhất định để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài. Tuỳ vào ý kiến (Nên hay không nên có vật nuôi trong nhà?) để trình bày các lí lẽ và bằng chứng. Ví dụ:  -Nên có vật nuôi trong nhà (ý kiến).  -Nêu các lí lẽ để làm rõ vì sao nên có vật nuôi trong nhà (lí lẽ).  -Nêu các bằng chứng cụ thế về lợi ích của vật nuôi (bằng chứng).  Lưu ý: Nếu em cho rằng không nên có vật nuôi trong nhà thì cũng cần nêu lí lẽ và bằng chứng.  + Kết bài: Khẳng định lại ý kiến của em; đề xuất các biện pháp bảo vệ và thái độ đối xử vói vật nuôi.  **3. Viết bài**  - Viết theo dàn ý  **4. Kiểm tra và chỉnh sửa bài viết**  -Kiểm tra, nhận biết các lỗi về dàn ý.  -Kiểm tra, nhận biết các lỗi về hình thức (chính tả, ngữ pháp, dùng từ, liên kết đoạn,...). Chỉnh sửa các lỗi đó trong bài viết. |
| **2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**  **Nhiệm vụ 3:Trả bài**  *a) Mục tiêu:* Giúp HS  - Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài viết.  - Chỉnh sửa bài viết cho mình và cho bạn.  *b) Nội dung:*  - GV trả bài, yêu cầu HS thảo luận nhóm nhận xét bài của mình và bài của bạn.  - HS đọc bài viết, làm việc nhóm.  *c) Sản phẩm:* Bài của học sinh đã chữa  *d) Tổ chức thực hiện:* | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Trả bài cho HS & yêu cầu HS đọc, nhận xét.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ  - HS làm việc theo nhóm  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn.  - HS nhận xét bài viết.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết.  *- Nhắc HS chuẩn bị nội dung bài nói dựa trên dàn ý của bài viết.* | **III. TRẢ BÀI** |
| **3. Hoạt động 3: Luyện tập**  *a) Mục tiêu:* Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.  *b) Nội dung:* HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.  *c) Sản phẩm:* Bài làm của học sinh.  *d) Tổ chức thực hiện:* | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**:  Giáo viên giao bài tập cho HS.  Bài tập: Hiện tượng học sinh chơi game(*Game* ở đây hiểu là trò chơi điện tử.)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV**: Hướng dẫn HS:  a. Xác định vấn đề: Dựa vào các văn bản em đã học và gợi ý về các hiện tượng trong đời sống và Định hướng ở phần Viết, lựa chọn vấn đề em định trình bày ý kiến  b. Để trình bày ý kiến trước lớp về vấn đề đã xác định, các em cần: Xác định ý kiến của mình về vấn đề đó và các lí lẽ, bằng chứng em định sử dụng để thuyết phục mọi người. Chuẩn bị tranh ảnh hoặc video, thiết bị hỗ trợ  **HS**: Tìm các sự kiện, lập ý, lập dàn ý cho đề bài nghị luận: Hiện tượng học sinh chơi game(*Game* ở đây hiểu là trò chơi điện tử.)  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.  - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV đánh giá bài làm của HS bằng nhận xét. |  |
| **4. Hoạt động 4: Vận dụng**  *a) Mục tiêu:* Phát triển năng lực làm bài văn nghị luận về các hiện tượng trong đời sống, xã hội.  *b) Nội dung:* Giáo viên giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.  *c) Sản phẩm:* Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).  *d) Tổ chức thực hiện:* | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)  ? Dựa vào dàn ý đã làm, em hãy viết bài văn nghị luận: Hiện tượng học sinh chơi game(*Game* ở đây hiểu là trò chơi điện tử.)  - Nộp sản phẩm về qua zalo của cô giáo.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV**: Hướng dẫn HS xác nhiệm vụ.  **HS**:Đọc, xác định yêu cầu của bài tập.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**: Hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.  **HS**: Nộp sản phẩm cho GV qua zalo của cô giáo.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).  - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà. |  |